

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 375/TTMS-NVD

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026

V/v thông báo kết quả đàm phán giá không thành công gói thầu Cung cấp thuốc điều trị lao thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2026-2027

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - Y tế các Bộ/ngành;
 - Bệnh viện/Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế.
- (Sau đây gọi là đơn vị)

Thực hiện nhiệm vụ của Đơn vị đàm phán giá, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) đã thực hiện đàm phán giá gói thầu Cung cấp thuốc điều trị lao thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2026-2027 theo Quyết định số 98/QĐ-TTMS ngày 08/9/2025 của Giám đốc Trung tâm về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp thuốc điều trị lao thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2026-2027, được điều chỉnh bởi Quyết định số 127/QĐ-TTMS ngày 29/10/2025 và Quyết định số 137/QĐ-TTMS ngày 20/11/2025 của Giám đốc Trung tâm.

Cụ thể, Trung tâm đã đàm phán giá 3 vòng với Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà với thuốc tham dự thầu là Turbezid (SĐK: 893110160824). Sau 3 vòng đàm phán giá, nhà thầu đề xuất mức giá 2.798 đồng/viên (bằng mức giá được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu và cao hơn giá đàm phán mong muốn trong phương án đàm phán giá được Trung tâm phê duyệt).

Căn cứ khoản 5 Điều 15 Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế và đề nghị của Tổ liên ngành đàm phán giá thuốc, Trung tâm đã ban hành Công văn số 256/TTMS-NVD ngày 31/3/2026 gửi Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Y tế các Bộ/ngành, Bệnh viện/Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế về việc khả năng thay thế của thuốc điều trị lao thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá (bao gồm 210 cơ sở y tế được xin ý kiến chiếm 76,5% tổng số lượng nhu cầu đề xuất thuốc Turbezid thuộc gói thầu Cung cấp thuốc điều trị lao thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2026-2027), kết quả tổng hợp như sau (phụ lục kèm theo):

- Về khả năng thay thế phác đồ điều trị:
 - 146 cơ sở y tế (chiếm 69,5%) chọn không có phác đồ thay thế.
 - 38 cơ sở y tế (chiếm 18,1%) chọn có phác đồ thay thế.
 - 26 cơ sở y tế (chiếm 12,4%) không có ý kiến cụ thể hoặc không có ý kiến phản hồi về việc có thể hay không thay thế phác đồ điều trị hoặc sử dụng



phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần hoặc 03 thuốc đơn thành phần.

- Về khả năng thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần (dự kiến tiết kiệm 11,9 tỷ đồng so với giá kế hoạch khi sử dụng thuốc đàm phán) hoặc 03 thuốc đơn thành phần (dự kiến tiết kiệm 53,1 tỷ đồng so với giá kế hoạch khi sử dụng thuốc đàm phán):

- 127 cơ sở y tế (chiếm 60,5%) chọn không thể thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần hoặc 03 thuốc đơn thành phần.

- 60 cơ sở y tế (chiếm 28,6%) chọn thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần hoặc 03 thuốc đơn thành phần.

- 23 cơ sở y tế (chiếm 10,9%) không có ý kiến cụ thể hoặc không có ý kiến phản hồi về việc có thể hay không thay thế phác đồ điều trị hoặc sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần hoặc 03 thuốc đơn thành phần.

Như vậy, trên 30% cơ sở y tế có khả năng thay thế phác đồ điều trị và trên 30% cơ sở y tế có thể thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần hoặc 03 thuốc đơn thành phần. Do đó, có trên 30% cơ sở y tế có khả năng thay thế của thuốc điều trị lao thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá.

Ngày 28/4/2026, Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia đã ban hành Quyết định số 40/QĐ-TTMS về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp thuốc điều trị lao thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2026-2027 (Quyết định gửi kèm theo).

Thực hiện quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Trung tâm xin thông báo đến các đơn vị kết quả đàm phán giá không thành công gói thầu Cung cấp thuốc điều trị lao thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2026-2027.

Căn cứ vào kết quả lấy ý kiến về lựa chọn thuốc thay thế (phụ lục kèm theo) và các khả năng thay thế Trung tâm đã nêu trong Công văn số 256/TTMS-NVD ngày 31/3/2026, Trung tâm đề nghị các đơn vị cân nhắc việc chủ động mua sắm thuốc điều trị lao nhằm đảm bảo điều trị và hiệu quả kinh tế.

Trân trọng cảm ơn./. *ll*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Lê Đức Luận (để báo cáo);
- PGĐ Đồng Duy Trường;
- Lưu: VT, NVD.



GIÁM ĐỐC *ll*

Lê Thành Công



PHỤ LỤC : KẾT QUẢ TỔNG HỢP CÁC CƠ SỞ Y TẾ XIN Ý KIẾN VỀ KHẢ NĂNG THAY THỂ THUỐC ĐIỀU TRỊ LAO THUỘC DANH MỤC THUỐC ĐƯỢC ÁP DỤNG HÌNH THỨC ĐÀM PHÁN GIÁ

(Kèm theo Công văn số 375/TTMS-NVD ngày 28/4/2026 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

STT	Tỉnh, thành phố	Tên CSYT	Mã KCB BHYT	Số lượng nhu cầu 2 năm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ý kiến của CSYT					
						1. Có phác đồ thay thế		2. Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 2 thành phần và 1 thuốc đơn thành phần, hoặc 3 thuốc đơn thành phần		Ý kiến không rõ (đánh dấu x)	Giải trình lý do (nếu có)
Thay thế được	Không thay thế được	Thay thế được	Không thay thế được								
I. Các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế 34 tỉnh, thành phố, Y tế Bộ/ Ngành											
1	SYT tỉnh An Giang			3,526,104	539,642						
1	An Giang	Bệnh viện Đa khoa An Giang	89012	77,760	23,300	x			x		
2	An Giang	Trung tâm y tế An Phú	89003	198,000	57,600	x		x			Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn
3	An Giang	Trung tâm y tế Châu Phú	89008	312,000	-	x		x			
4	An Giang	Trung tâm y tế Châu Thành An Giang	89010	230,400	68,400		x		x		Không có bằng chứng khoa học cụ thể để so sánh trực tiếp hiệu quả điều trị giữa việc dùng viên phối hợp 3 thành phần với việc dùng kết hợp các viên đơn thành phần
5	An Giang	Trung tâm y tế Chợ Mới	89009	328,000	98,400		x		x		
6	An Giang	Trung tâm y tế Phú Tân	89005	180,000	20,000	x			x		
7	An Giang	Trung tâm y tế Thoại Sơn	89011	236,736	47,340		x		x		
8	An Giang	Trung tâm y tế Tri Tôn	89007	144,000		x			x		
9	An Giang	Trung tâm y tế Châu Đốc	89002	77,472	20,000		x		x		
10	An Giang	Trung tâm y tế Long Xuyên	89001	238,896	43,200	x		x			
11	An Giang	Trung tâm y tế Tân Châu	89347	115,200	34,560	x		x			
12	An Giang	Trung tâm y tế Tịnh Biên	89006	118,980	-		x		x		
13	An Giang	Bệnh viện Phổi Kiên Giang	91912	105,000	-		x		x		
14	An Giang	Trung tâm Y tế An Biên	91008	66,560	13,312		x		x		
15	An Giang	Trung tâm Y tế An Minh	91009	64,400	-		x		x		
16	An Giang	Trung tâm Y tế Châu Thành Kiên Giang	91005	100,000	-	x		x			Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần
17	An Giang	Trung tâm Y tế Giồng Riềng	91006	182,000	54,600		x		x		
18	An Giang	Trung tâm Y tế Gò Quao	91007	66,400	-		x		x		
19	An Giang	Trung tâm Y tế Hòn Đất	91003	148,000	40,000		x		x		
20	An Giang	Trung tâm Y tế Kiên Lương	91013	61,200	-		x		x		
21	An Giang	Trung tâm Y tế Tân Hiệp	91004	76,000	-		x		x		
22	An Giang	Trung tâm Y tế Vĩnh Thuận	91010	96,000	-		x		x		
23	An Giang	Trung tâm Y tế Phú Quốc	91011	63,100	18,930		x		x		
24	An Giang	Trung tâm Y tế Rạch Giá	91101	240,000	-		x		x		
2	SYT tỉnh Bắc Ninh			620,000	140,400						
1	Bắc Ninh	Bệnh viện Phổi Bắc Ninh số 2	27023	100,000	30,000	x		x			
2	Bắc Ninh	Bệnh viện Phổi Bắc Ninh số 1	24254	368,000	110,400		x		x		
3	Bắc Ninh	Trung tâm Y tế Lục Nam	24003	72,000	-		x		x		Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần

STT	Tỉnh, thành phố	Tên CSYT	Mã KCB BHYT	Số lượng nhu cầu 2 năm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ý kiến của CSYT			
						1. Có phác đồ thay thế	2. Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 2 thành phần và 1 thuốc đơn thành phần, hoặc 3 thuốc đơn thành phần	Ý kiến không rõ (đánh dấu x)	Giải trình lý do (nếu có)
4	Bắc Ninh	Trung tâm Y tế Lục Ngạn	24017	80,000	-	x	x		
3	SYT tỉnh Cà Mau			1,019,372	146,860				
1	Cà Mau	Bệnh viện Đa khoa Cái Nước	96019	105,600	30,000				không có công văn trả lời
2	Cà Mau	Bệnh viện Đa khoa Đầm Dơi	96025	93,000	-	x	x		
3	Cà Mau	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cà Mau	96002	173,072	51,900	x	x		
4	Cà Mau	Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời	96014	140,000	-	x	x		
5	Cà Mau	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Cà Mau	96163	98,900	-	x	x		
6	Cà Mau	Trung tâm Y tế khu vực Phú Tân	96066	60,000	-	x	x		
7	Cà Mau	Trung tâm y tế khu vực Đông Hải	95007	84,000	25,200	x	x		
8	Cà Mau	Trung tâm y tế khu vực Vĩnh Lợi	95035	68,000	3,400	x	x		
9	Cà Mau	Trung tâm y tế khu vực Bạc Liêu	95033	121,200	36,360	x	x		
10	Cà Mau	Trung tâm y tế khu vực Giá Rai	95004	75,600	-	x			
4	SYT thành phố Cần Thơ			2,713,048	606,069				
1	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Thạnh	92011	80,000	24,000	x	x		
2	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Ô Môn	92007	125,280	-	x	x		
3	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Thốt Nốt	92010	172,000	50,000	x	x		
4	Cần Thơ	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	92004	118,800	35,640	x	x		
5	Cần Thơ	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi thành phố Cần Thơ	92016	216,000	64,800	x	x		
6	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Thới Lai	92009	125,720	37,716	x	x		
7	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Bình Thủy	92005	113,400	-	x	x		
8	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Cái Răng	92006	165,700	-	x	x		
9	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành	93005	72,000	20,000	x	x		
10	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành A	93006	87,608	26,282	x	x		
11	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Phụng Hiệp	93004	150,560	-	x	x		
12	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Vị Thủy	93002	75,500	7,200	x	x		
13	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Long Mỹ	93003	109,108	32,700	x	x		
14	Cần Thơ	Bệnh viện 30 tháng 4 tỉnh Sóc Trăng	94058	71,240	21,372	x	x		
15	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành	94018	111,960	33,588	x	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Tên CSYT	Mã KCB BHYT	Số lượng nhu cầu 2 năm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ý kiến của CSYT				
						1. Có phác đồ thay thế		2. Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 2 thành phần và 1 thuốc đơn thành phần, hoặc 3 thuốc đơn thành phần		Ý kiến không rõ (đánh dấu x)
16	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Thạnh Trị	94006	106,745	32,023	x		x		
17	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Sóc Trăng	94030	119,700	35,910		x		x	
18	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Châu	94007	124,380	37,314		x		x	
19	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Kế Sách	94005	154,980	46,494		x		x	
20	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Long Phú	94004	75,600	-		x		x	
21	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Mỹ Tú	94003	69,120	20,736		x			
22	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Mỹ Xuyên	94002	136,260	40,878			x		
23	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Trần Đề	94020	131,387	39,416		x		x	
5	SYT thành phố Đà Nẵng			1,348,698	159,812					
1	Đà Nẵng	Bệnh viện Phổi Đà Nẵng	48014	261,084	78,325		x	x		
2	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang	48128	80,290	24,087		x	x		
3	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế khu vực Cẩm Lệ	48075	120,130	-	x		x		
4	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế khu vực Hải Châu	48003	95,600	-		x		x	
5	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế khu vực Liên Chiểu	48008	134,800	14,400		x	x		
6	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế khu vực Thanh Khê	48004	111,600	-		x	x		Đơn vị đề xuất ưu tiên lựa chọn viên phối hợp 3 thành phần. Nếu không thể đàm phán giá, xin thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần
7	Đà Nẵng	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch Quảng Nam	49016	401,690	-				x	CSYT không nói rõ thay thế được hay không
8	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế khu vực Thăng Bình	49009	80,000	24,000		x		x	
9	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế khu vực Điện Bàn	49169	63,504	19,000				x	CSYT không nói rõ thay thế được hay không
6	SYT tỉnh Đắk Lắk			142,560	-					
1	Đắk Lắk	Trung tâm Y tế Buôn Ma Thuột		79,200	-		x	x		
2	Đắk Lắk	Trung tâm Y tế Tuy Hòa	54016	63,360	-		x		x	
7	SYT tỉnh Đồng Nai			1,573,520	201,200					
1	Đồng Nai	Bệnh viện Phổi Đồng Nai	75005	120,000	-		x		x	
2	Đồng Nai	Trung tâm y tế khu vực Định Quán	75435	155,520	-		x		x	
3	Đồng Nai	Trung tâm y tế khu vực Long Thành	75299	136,000	27,200		x		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Tên CSYT	Mã KCB BHYT	Số lượng nhu cầu 2 năm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ý kiến của CSYT					
						1. Có phác đồ thay thế		2. Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 2 thành phần và 1 thuốc đơn thành phần, hoặc 3 thuốc đơn thành phần		Ý kiến không rõ (đánh dấu x)	Giải trình lý do (nếu có)
4	Đồng Nai	Trung tâm y tế khu vực Nhơn Trạch	75020	120,000	30,000		x		x		
5	Đồng Nai	Trung tâm y tế khu vực Tân Phú	75014	100,000	-		x		x		
6	Đồng Nai	Trung tâm y tế khu vực Trảng Bom	75012	162,000	-		x		x		
7	Đồng Nai	Trung tâm y tế khu vực Xuân Lộc	75013	80,000	-		x		x		
8	Đồng Nai	Trung tâm y tế khu vực Biên Hòa	75003	620,000	120,000		x		x		
9	Đồng Nai	Trung tâm y tế khu vực Long Khánh		80,000	24,000		x		x		
8	SYT tỉnh Đồng Tháp			2,176,566	521,653						
1	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười	87128	66,000	-		x		x		
2	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc	87014	108,000	32,400		x		x		
3	Đồng Tháp	Bệnh viện Phổi Đồng Tháp	87115	300,000	90,000		x		x		
4	Đồng Tháp	Trung tâm y tế khu vực Cao Lãnh 2	87003	194,832	58,440		x		x		
5	Đồng Tháp	Trung tâm y tế khu vực Sa Đéc 2	87009	150,000	-		x		x		
6	Đồng Tháp	Trung tâm y tế khu vực Hồng Ngự 2	87177	158,000	47,400		x		x		
7	Đồng Tháp	Trung tâm y tế khu vực Lai Vung	87011	100,000	30,000		x		x		
8	Đồng Tháp	Trung tâm y tế khu vực Lấp Vò	87005	135,000	40,500		x		x		
9	Đồng Tháp	Trung tâm y tế khu vực Tam Nông	87004	183,384	55,008		x		x		
10	Đồng Tháp	Trung tâm y tế khu vực Thanh Bình	87010	128,000	38,400		x		x		
11	Đồng Tháp	Trung tâm y tế khu vực Cao Lãnh 1	87178	116,400	34,000		x		x		
12	Đồng Tháp	Trung tâm y tế khu vực Hồng Ngự 1	87180	88,350	26,505		x		x		
13	Đồng Tháp	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tiền Giang	82026	130,000	39,000		x		x		
14	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế khu vực Cái Bè	82011	158,600	-		x		x		
15	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế khu vực Gò Công Đông	82208	60,000	-		x		x		
16	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế khu vực Mỹ Tho	82008	100,000	30,000		x		x		
9	SYT tỉnh Gia Lai			336,304	99,964						
1	Gia Lai	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Pleiku	64274	149,904	44,964		x		x		
2	Gia Lai	Trung tâm Y tế Tuy Phước	52006	64,000	19,000		x		x		Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần

M
M
THUỐC
GIA

STT	Tỉnh, thành phố	Tên CSYT	Mã KCB BHYT	Số lượng nhu cầu 2 năm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ý kiến của CSYT				
						1. Có phác đồ thay thế		2. Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 2 thành phần và 1 thuốc đơn thành phần, hoặc 3 thuốc đơn thành phần		Ý kiến không rõ (đánh dấu x)
3	Gia Lai	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	52002	122,400	36,000	x		x		Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần
10	SYT thành phố Hà Nội			651,000	194,400					
1	Hà Nội	Bệnh viện 19-8	1043	69,000	20,000		x	x		
2	Hà Nội	Bệnh viện Phổi Hà Nội	1903	498,000	149,400		x	x		
3	Hà Nội	Bệnh viện Quân y 103	1016	84,000	25,000	x		x		
11	SYT tỉnh Hà Tĩnh			186,500	55,950					
1	Hà Tĩnh	Bệnh viện Phổi Hà Tĩnh	42310	186,500	55,950		x	x		
12	SYT thành phố Hải Phòng			228,960	68,000					
1	Hải Phòng	Bệnh viện Phổi Hải Dương	30299	228,960	68,000		X	x		Việc thay thế viên 3 thành phần bằng các viên có ít thành phần hơn có ưu điểm về việc điều chỉnh liều trên từng bệnh nhân, nhưng bệnh nhân phải uống nhiều thuốc hơn, ảnh hưởng đến tâm lý cũng như khả năng tuân thủ điều trị của người bệnh.
13	SYT tỉnh thừa thiên Huế			323,800	97,140					
1	Huế	Bệnh viện Phổi thành phố Huế	46205	118,800	35,640	x		x		
2	Huế	Trung tâm Y tế Thuận Hóa	46003	205,000	61,500	x		x		
14	SYT tỉnh Hưng Yên			88,000	26,000					
1	Hưng Yên	Bệnh viện Phổi Hưng Yên	33017	88,000	26,000		x	x		
15	SYT tỉnh Khánh Hòa			561,200	109,160					
1	Khánh Hòa	Bệnh viện Phổi Khánh Hòa	56015	72,000	14,400	x		x		
2	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Diên Khánh	56004	90,000	-		x	x		
3	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Nha Trang	56008	140,000	42,000		x	x		Do sáp nhập TTYT khu vực Nha Trang đã chuyển đổi thành 04 Trạm Y tế phường, đại diện gửi công văn cho ý kiến là Trạm Y tế phường Nha Trang
4	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế Khu vực Ninh Hoà	56003	120,000	24,000		x	x		
5	Khánh Hòa	Bệnh viện Phổi Ninh Thuận	58074	60,000	5,000		x	x		
6	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế Khu vực Phan Rang - Tháp Chàm	58083	79,200	23,760		x	x		Do sáp nhập TTYT đã chuyển đổi thành 04 Trạm Y tế phường, 02 Trạm đại diện gửi công văn cho ý kiến là Trạm Y tế phường Phan Rang và phường Đô Vinh
16	SYT tỉnh Lâm Đồng			332,400	43,920					
1	Lâm Đồng	Trung tâm Y tế khu vực Phan Thiết	60040	126,000	-		x	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Tên CSYT	Mã KCB BHYT	Số lượng nhu cầu 2 năm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ý kiến của CSYT				
						1. Có phác đồ thay thế		2. Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 2 thành phần và 1 thuốc đơn thành phần, hoặc 3 thuốc đơn thành phần		Ý kiến không rõ (đánh dấu x)
2	Lâm Đồng	Trung tâm Y tế khu vực Bắc Bình	60171	60,000	18,000		x	x		
3	Lâm Đồng	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Bắc	60005	86,400	25,920	x		x		
4	Lâm Đồng	Trung tâm Y tế khu vực Tuy Phong	60004	60,000	-		x	x		
17	SYT tỉnh Nghệ An			380,000	114,000					
1	Nghệ An	Bệnh viện Phổi Nghệ An	40040	380,000	114,000		x		x	
18	SYT tỉnh Ninh Bình			514,540	82,071					
1	Ninh Bình	Bệnh viện Phổi tỉnh Ninh Bình	37071	99,540	24,885		x		x	Không thể thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần hoặc 03 thuốc đơn thành phần: Sử dụng viên phối hợp sẽ tăng khả năng tuân thủ trong điều trị trên người bệnh, giảm tác dụng không mong muốn của thuốc và giảm số lượng viên dùng cho người bệnh so với dùng phác đồ 2, 3
2	Ninh Bình	Bệnh viện Phổi Hà Nam	35067	135,000	40,500		x		x	Không thể thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần hoặc 03 thuốc đơn thành phần: Sử dụng viên phối hợp sẽ tăng khả năng tuân thủ trong điều trị trên người bệnh, giảm tác dụng không mong muốn của thuốc và giảm số lượng viên dùng cho người bệnh so với dùng phác đồ 2, 3
3	Ninh Bình	Bệnh viện Phổi Nam Định	36046	280,000	16,686		x		x	Không thể thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần hoặc 03 thuốc đơn thành phần: Sử dụng viên phối hợp sẽ tăng khả năng tuân thủ trong điều trị trên người bệnh, giảm tác dụng không mong muốn của thuốc và giảm số lượng viên dùng cho người bệnh so với dùng phác đồ 2, 3
19	SYT tỉnh Phú Thọ			550,000	165,000					
1	Phú Thọ	Bệnh viện phổi 74	26010	400,000	120,000		x		x	
2	Phú Thọ	Bệnh viện Phổi tỉnh Phú Thọ	25006	150,000	45,000		x		x	
20	SYT tỉnh Quảng Ngãi			288,600	86,536					
1	Quảng Ngãi	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Quảng Ngãi	51021	65,800	19,700		x		x	
2	Quảng Ngãi	Trung tâm Y tế Bình Sơn	51002	69,120	20,736		x		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Tên CSYT	Mã KCB BHYT	Số lượng nhu cầu 2 năm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ý kiến của CSYT				
						1. Có phác đồ thay thế	2. Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 2 thành phần và 1 thuốc đơn thành phần, hoặc 3 thuốc đơn thành phần	Ý kiến không rõ (đánh dấu x)	Giải trình lý do (nếu có)	
3	Quảng Ngãi	Trung tâm Y tế Quảng Ngãi	51014	81,000	24,300		x		x	
4	Quảng Ngãi	Trung tâm Y tế Kon Tum	62009	72,680	21,800	x		x		
21	SYT tỉnh Quảng Ninh			258,000	-					
1	Quảng Ninh	Bệnh viện Phổi Quảng Ninh	22044	258,000	-	X			x	Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần hoặc 03 thuốc đơn thành phần
22	SYT tỉnh Sơn La			171,000	42,750					
1	Sơn La	Bệnh viện Phổi tỉnh Sơn La	14019	171,000	42,750				x	đề xuất cả 3 phương án này để đảm bảo cung ứng thuốc
23	SYT tỉnh Tây Ninh			2,205,992	417,440					
1	Tây Ninh	Bệnh viện Phổi Tây Ninh	72012	60,200	15,000		x	x		
2	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Bến Cầu	72005	60,120	-		x		x	
3	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành	72007	176,400	52,920		x		x	
4	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Dương Minh Châu	72006	86,000	17,000		x		x	
5	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Gò Dầu	72003	139,500	41,850		x	x		
6	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Tân Biên	72008	90,000	27,000		x	x		
7	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Tân Châu	72009	90,000	27,000		x	x		
8	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh	72001	117,000	-		x		x	
9	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Hòa Thành	72002	225,000	-		x	x		
10	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Trảng Bàng	72004	158,400	-		x	x		
11	Tây Ninh	Bệnh viện Đa khoa khu vực Càn Giuộc	80005	116,424	11,642		x		x	
12	Tây Ninh	Bệnh viện Phổi Long An	80016	61,200	18,000		x		x	
13	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Bến Lức	80004	82,080	24,000		x		x	
14	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Càn Đức	80006	105,120	10,512		x		x	
15	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Đức Hòa	80278	405,828	121,716		x		x	
16	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Đức Huệ	80008	60,720	-		x		x	
17	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Thủ Thừa	80003	76,000	22,000		x		x	
18	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Tân An	80237	96,000	28,800		x		x	
24	SYT tỉnh Thái Nguyên			96,000	28,000					
1	Thái Nguyên	Bệnh viện Phổi	19045	96,000	28,000		x		x	
25	SYT tỉnh Thanh Hóa			812,000	243,000					

TRU
MU
ÁP TR
QU

STT	Tỉnh, thành phố	Tên CSYT	Mã KCB BHYT	Số lượng nhu cầu 2 năm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ý kiến của CSYT			
						1. Có phác đồ thay thế	2. Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 2 thành phần và 1 thuốc đơn thành phần, hoặc 3 thuốc đơn thành phần	Ý kiến không rõ (đánh dấu x)	Giải trình lý do (nếu có)
1	Thanh Hóa	Bệnh viện Phổi Thanh Hóa	38286	812,000	243,000			x	chưa có bằng chứng khoa học để so sánh trực tiếp hiệu quả điều trị giữa việc dùng viên phối hợp 3 thành phần với việc dùng kết hợp các viên rời
26	TP. Hồ Chí Minh			7,754,394	1,298,137				
1	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện 30-4	79011	60,000	17,400		x	x	
2	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bệnh Nhiệt Đới	79394	80,000	-		x	x	
3	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499	1,389,744	403,020	x		x	
4	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quân y 175	79034	64,800	19,440		x	x	
5	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức	79037	252,000	75,600		x	x	
6	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Bình Chánh	79604	332,640	-	x		x	
7	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Củ Chi	79764	151,200	-			x	
8	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Hóc Môn	79640	374,000	108,000		x	x	
9	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Nhà Bè	79729	116,208	-		x	x	
10	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Sài Gòn	79610	90,000	9,000		x	x	
11	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Hòa Hưng	79027	115,200	-		x	x	
12	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Bình Thới	79596	115,200	-		x	x	
13	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Tân Thới Hiệp	79612	312,000	18,000		x	x	
14	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Nhiều Lộc	79009	130,000	26,000		x	x	
15	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Xóm Chiếu	79602	110,000	20,000	x		x	
16	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Chợ Lớn	79015	100,800	14,400		x	x	
17	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Phú Lâm	79599	176,400	26,460		x	x	
18	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Tân Hưng	79584	216,000	-			x	
19	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Bình Đông	79582	250,000	25,000		x	x	
20	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Bình Tân	79996	316,800	-		x	x	
21	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Bình Thạnh	79579	302,400	57,600		x	x	
22	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Gò Vấp	79580	250,000	70,000		x	x	
23	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Phú Nhuận	79587	80,000	24,000		x	x	
24	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Tân Bình	79574	130,000	-		x	x	

STT	Tỉnh, thành phố	Tên CSYT	Mã KCB BHYT	Số lượng nhu cầu 2 năm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ý kiến của CSYT				
						1. Có phác đồ thay thế		2. Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 2 thành phần và 1 thuốc đơn thành phần, hoặc 3 thuốc đơn thành phần	Ý kiến không rõ (đánh dấu x)	Giải trình lý do (nếu có)
25	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Tân Phú	79577	175,040	31,000	x				
26	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Thủ Đức	79583	421,200	54,000		x		x	
27	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Bình Dương	74001	84,780	-	x		x		
28	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Bàu Bàng	74202	75,860	15,000	x		x		
29	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Dầu Tiếng	74102	69,876	13,968			x		
30	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Bến Cát	74050	154,780	46,000			x		
31	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Dĩ An	74028	141,166	42,349					không có ý kiến do chuyển công tác điều trị lao sang đơn vị khác
32	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Tân Uyên	74066	224,000	44,800		x		x	
33	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Thủ Dầu Một	74008	131,300	26,260			x		
34	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Thuận An	74039	301,000	60,200		x	x		
35	TP. Hồ Chí Minh	Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí	77123	80,000	24,000		x		x	
36	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Châu Đức	77008	62,400	4,800	x		x		
37	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Hồ Tràm	77006	72,800	21,840		x		x	
38	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Vũng Tàu	77004	144,000	-		x		x	
39	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế khu vực Phú Mỹ	77007	100,800	-		x		x	
27	SYT tỉnh Tuyên Quang			286,800	81,824					
1	Tuyên Quang	Bệnh viện Phổi tỉnh Tuyên Quang	8103	116,000	34,000		x		x	
2	Tuyên Quang	Bệnh viện Phổi Hà Giang tỉnh Tuyên Quang	2227	170,800	47,824		x		x	
28	SYT tỉnh Vĩnh Long			1,855,364	263,290					
1	Vĩnh Long	Bệnh viện Phổi Vĩnh Long	86132	64,000	19,000	X		x		
2	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Bình Tân	86134	80,000	24,000					Bệnh viện không có ý kiến phản hồi do không phải bệnh viện chuyên môn
3	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Long Hồ	86006	130,000	-					Bệnh viện không có ý kiến phản hồi do không phải bệnh viện chuyên môn
4	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Mang Thít	86019	79,200	5,000					Bệnh viện không có ý kiến phản hồi do không phải bệnh viện chuyên môn
5	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Tam Bình	86049	262,800	-					Bệnh viện không có ý kiến phản hồi do không phải bệnh viện chuyên môn
6	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Trà Ôn	86066	85,000	20,000					Bệnh viện không có ý kiến phản hồi do không phải bệnh viện chuyên môn
7	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Nguyễn Văn Thủ	86080	166,472	33,290					Bệnh viện không có ý kiến phản hồi do không phải bệnh viện chuyên môn

AM
AM
THUỐC
GIA

STT	Tỉnh, thành phố	Tên CSYT	Mã KCB BHYT	Số lượng nhu cầu 2 năm	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ý kiến của CSYT				
						1. Có phác đồ thay thế	2. Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 2 thành phần và 1 thuốc đơn thành phần, hoặc 3 thuốc đơn thành phần	Ý kiến không rõ (đánh dấu x)	Giải trình lý do (nếu có)	
8	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Long	86128	126,720	-					Bệnh viện không có ý kiến phản hồi do không phải bệnh viện chuyên môn
9	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Bình Minh	86032	85,572	-					Bệnh viện không có ý kiến phản hồi do không phải bệnh viện chuyên môn
10	Vĩnh Long	Bệnh viện Phổi Bến Tre	83040	100,000	30,000		x	x		
11	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành	83300	96,000	28,800					Bệnh viện không có ý kiến phản hồi do không phải bệnh viện chuyên môn
12	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Giồng Trôm	83500	75,600	-					Bệnh viện không có ý kiến phản hồi do không phải bệnh viện chuyên môn
13	Vĩnh Long	Bệnh viện Phổi Trà Vinh	84134	276,000	82,800		X	X		Thay thế sử dụng phối hợp thuốc có 02 thành phần và 01 thuốc đơn thành phần hoặc 3 thuốc đơn thành phần
14	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Cầu Kè	84004	88,000	-					Bệnh viện không có ý kiến phản hồi do không phải bệnh viện chuyên môn
15	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành A	84003	72,000	-					Bệnh viện không có ý kiến phản hồi do không phải bệnh viện chuyên môn
16	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế Khu vực Trà Cú	84006	68,000	20,400					Bệnh viện không có ý kiến phản hồi do không phải bệnh viện chuyên môn
II. Các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế				2,741,292	720,000					
1	Thanh Hóa	Bệnh viện 71 Trung ương	38281	200,000	-		x	x		
2	Hà Nội	Bệnh viện Phổi Trung ương	1910	2,400,000	720,000				x	Cả 3 phương án đều đảm bảo các thành phần hoạt chất theo phác đồ điều trị của Bộ Y tế
3	Huế	Bệnh viện Trung ương Huế	46001	141,292	-		x	x		

